

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/KDTM-PT

Ngày: 11/01/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tư vấn
thiết kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Đạt

Các Thẩm Phán: 1. Bà Trương Thị Quỳnh Trâm
2. Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Vào ngày 11/01/2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2023/TLPT-KDTM
ngày 25/10/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tư vấn thiết kế”

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 143/2023/KDTM-ST ngày
22/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị
kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5373/2023/QĐXX-PT
ngày 15/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17112/2023/QĐ-PT ngày
21/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T1; trụ sở: 10 N, Phường A, quận T, Thành
phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Đăng K, chức vụ:
Giám đốc - là người đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH T1 (có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Ê; trụ sở: 4 Ấp B, Phường A, quận T, Thành phố
Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lâm O; địa chỉ: A T,
phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền
theo Giấy ủy quyền số 210623/UQ-S2 ngày 21/6/2023 của Tổng Giám đốc -
Công ty TNHH Ê (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Đình B, là luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim P và ông Phùng Lưu Tấn P1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/5/2017, Công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) và Công ty TNHH Ê (sau đây gọi tắt là Công ty Ê) có ký kết hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170511/ESU-ETP-HKC với nội dung thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình Văn phòng làm việc kết hợp nhà lưu trú chuyên gia tại số E N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Dự án T).

Về tiến độ thực hiện: Công ty T1 bắt đầu thiết kế từ trước ngày 24/8/2016; Chính thức phát hành bản vẽ TKCS: 20/12/2016; Giao bản vẽ thiết kế xin giấy phép xây dựng: 08/11/2017; thời gian thực hiện sơ bộ: 118 ngày – 3 tháng; Tổng thời gian thực hiện chính thức: 10,5 tháng; Công ty Ê không có văn bản thông báo hay văn bản nhắc nhở Công ty H.K chậm tiến độ.

Sản phẩm thiết kế: Bộ B1 kiến trúc đầu tiên (14 bản) phát hành ngày 24/8/2016; Bộ bản vẽ đệ trình Sở Quy hoạch (19 bản x 3 lần); Bộ B1 và thiết kế phối cảnh 3D; Bản vẽ xin phép PCCC; Hồ sơ thiết kế chi tiết đã được Công ty Ê ký phê duyệt, và Hồ sơ thiết kế chi tiết này đã được Sở Cảnh sát PCCC phê duyệt ngày 31/01/2018; Cung cấp file bản vẽ thiết kế cả file.pdf lẫn file autocad.

Ngày 04/7/2017, hai bên tiếp tục ký hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170704/ESU-ES2-HKS với nội dung thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình Tòa nhà E tại số D Ấp B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Dự án Ấp B).

Tiến độ thực hiện: Công ty T1 bắt đầu thiết kế từ trước ngày 01/12/2016; Chính thức phát hành bản vẽ lần đầu ngày 06/6/2017; Giao bản vẽ thiết kế xin giấy phép xây dựng ngày 11/4/2018; Tổng thời gian thực hiện sơ bộ: hơn 06 tháng; T thời gian thực hiện chính thức: hơn 10 tháng; Không có văn bản thông báo hay văn bản nhắc nhở Công ty H.K chậm tiến độ.

Sản phẩm thiết kế: Bản vẽ phương án kiến trúc phát hành ngày 01/12/2016; Bộ bản vẽ xin giấy phép xây dựng phát hành ngày 08/12/2016; Bộ B1 thiết kế cơ sở phát hành ngày 19/6/2017 để xin chứng chỉ quy hoạch; Thiết kế hiệu chỉnh theo yêu cầu của Công ty Ê (theo yêu cầu quy hoạch; yêu cầu công năng khác; và yêu cầu của cơ quan cấp phép xây dựng giảm quy mô) phát

hành ngày 23.01.2018; Bộ bản vẽ thiết kế chi tiết phát hành ngày 11/4/2018; Cung cấp file bản vẽ thiết kế cả file.pdf lẫn file autocad.

Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170621/ESU-ES2-HKC với nội dung thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình E1 (Dự án Đà Nẵng). Tuy hợp đồng chưa được ký kết nhưng Công ty T1 đã hoàn thành hồ sơ thiết kế cơ sở; bắt đầu thiết kế từ ngày 08/4/2017; Giao bản vẽ thiết kế sơ bộ ngày 11/8/2017; Gửi Hợp đồng cho Công ty Ê Hai ngày 21/06/2017 nhưng Công ty Ê chưa ký. Tổng thời gian thực hiện: hơn 04 tháng. Không có văn bản thông báo chậm tiến độ của Công ty Ê.

Sản phẩm thiết kế: Bộ B1 thiết kế sơ bộ đã giao ông S ngày 11/8/2017; Các Hồ sơ theo yêu cầu của Công ty Ê (tính diện tích, bố trí phòng, công năng phòng... để Công ty Ê sử dụng vay vốn).

Như vậy, quá trình thực hiện, Công ty T1 đã thực hiện đầy đủ các công việc theo mô tả trong hợp đồng ngoại trừ dự toán. Tuy nhiên, đến ngày 18/4/2018, bị đơn tự đơn phương chấm dứt hợp đồng. Công ty Ê nài ra vấn đề về chứng chỉ năng lực để cố tình kéo dài việc thanh toán cho Công ty T1. Tại email ngày 02/3/2018 do ông Lê Quốc H gửi cho nhiều người trong đó có ông Phạm Đăng K cũng đã khẳng định hồ sơ năng lực của công ty T2 không ảnh hưởng.

Trị giá của Hợp đồng tư vấn thiết kế dự án E2 là 1.300.000.000 đồng; Công ty T1 yêu cầu thanh toán 90% hợp đồng; đã nhận tạm ứng 30% hợp đồng là 390.000.000 đồng, số tiền yêu cầu phải trả là 780.000.000 đồng. Trị giá của Hợp đồng tư vấn thiết kế dự án Ấp B là: 109.200.000 đồng; Yêu cầu thanh toán 90% hợp đồng; Đã nhận tạm ứng 30% hợp đồng là 32.760.000 đồng; Số tiền yêu cầu phải trả là: 65.520.000 đồng. Trị giá thiết kế dự án ở Đà Nẵng là 528.710.000 đồng, chưa nhận tạm ứng; Yêu cầu thanh toán 30% hợp đồng là 158.613.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 1.004.133.000 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh do thanh toán quá hạn tạm tính từ ngày 31/01/2018 tới thời điểm khởi kiện là 50.000.000 đồng.

Các hợp đồng đã ký kết đều có hiệu lực pháp luật nên nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Sau khi ký 02 hợp đồng đối với dự án ở T và Ấp B, Công ty Ê tiến hành lập hồ sơ xin giấy phép xây dựng và yêu cầu Công ty T1 cung cấp hồ sơ của đơn vị thiết kế theo quy định của pháp luật. Công ty Ê đã nhiều lần yêu cầu Công ty T1 cung cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng nhưng Công ty H.K không cung cấp được. Trong quá trình giao kết Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số

20170511/ESU-ETP-HKC và hợp đồng số 20170704/ESU-ES2-HKS, Công ty H.K không cung cấp hồ sơ thể hiện là đơn vị đầy đủ năng lực và điều kiện hành nghề trong lĩnh vực xây dựng, Công ty Ê không hề biết được Công ty T1 không có chứng chỉ năng lực. Đến ngày 08/01/2019, Công ty T1 mới có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trong khi Công ty E3 và công ty T1 đã ký kết hợp đồng vào ngày 11/5/2017 và ngày 04/7/2017.

Theo quy định pháp luật, Công ty T1 không có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, đồng nghĩa với việc chưa đủ năng lực để nhận thực hiện những công việc trong Hợp đồng tư vấn Thiết kế số 20170511/ESU-ETP-HKC và hợp đồng số 20170704/ESU-ES2-HKS.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý toàn bộ. Đề nghị Tòa án tuyên bố các hợp đồng tư vấn thiết kế tại dự án Ấp B và T vô hiệu theo quy định tại Khoản 1 Điều 126 Bộ luật Dân sự. Công ty T1 cho rằng hồ sơ xin giấy phép xây dựng chỉ cần hồ sơ năng lực nhà thiết kế chứ không cần phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng thể hiện sự nhầm lẫn dẫn đến hợp đồng vô hiệu. Bị đơn xác nhận đã thanh toán 30% giá trị hợp đồng của dự án T và Ấp B nhưng không yêu cầu nguyên đơn trả lại và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đối với hợp đồng tư vấn thiết kế dự án Đà Nẵng chưa thực hiện giao kết hợp đồng nên chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Tại phiên tòa:

Ông Phạm Đăng K là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu bị đơn hoàn trả tổng số tiền 1.004.133.000 đồng, cụ thể: đối với dự án ở T bị đơn phải trả là 780.000.000 đồng; dự án Ấp B là 65.520.000 đồng; còn dự án ở Đà Nẵng thì phải thanh toán 30% là 158.613.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phát sinh do thanh toán quá hạn tạm tính từ ngày 31/01/2018 đến ngày 01/8/2023 (theo lãi suất 7,5%/360 ngày x 150%) là 630.093.458 đồng. Không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn, các hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm áp dụng thông tư 17/2016/TT-BXD, Công ty T1 đã đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động, nhưng việc áp dụng các quy định về cấp chứng chỉ năng lực hoạt động thực tế còn chưa thông suốt do các văn bản dưới Luật cũng thay đổi liên tục, sửa đổi nhiều lần bởi các cơ quan chức năng dẫn đến việc chậm cấp chứng chỉ năng lực cho các đơn vị tư vấn. Ngoài ra, việc lúc nào được cấp chứng chỉ, Công ty T1 cũng chỉ chờ và không thể quyết định được ngày cấp. Năng lực thiết kế phải được đánh giá qua cả quá trình, kinh nghiệm nhiều năm. Công ty T1 có bề dày kinh nghiệm tính từ khi thành lập vào tháng 5/2002 đến nay, đáp ứng điều kiện

của tổ chức thiết kế theo Luật xây dựng. Vì vậy, Công ty T1 đã được cấp chứng chỉ năng lực: Hạng II do Sở X cấp vào 17/12/2018 theo QĐ số 1896/QĐSXĐ-QLNGĐXD; Hạng I do Bộ X1 cấp vào 31/12/2020. Thông báo chấm dứt hợp đồng số 20170511/ESU-ES2-HKC trước hạn ngày 18/04/2018, Công ty Ê đã thể hiện việc không nhằm lẫn qua cách viện dẫn nhiều điều khoản trong hợp đồng. Giữa hai bên có mối quan hệ thân tín như bị đơn trình bày, trước đó hai bên đã thực hiện giao kết hợp đồng vào năm 2011, 2012. Công ty Ê cho rằng các hợp đồng đã ký kết là vô hiệu chỉ nhằm né tránh nghĩa vụ thanh toán với Công ty T1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Đình B trình bày: Đề nghị Tòa án tuyên bố các hợp đồng tư vấn thiết kế tại công trình Ấp B và T vô hiệu do bị nhầm lẫn. Nguyên đơn trình bày là đã thực hiện đầy đủ các công việc theo mô tả trong hợp đồng là không đúng. Cho dù các hợp đồng đã ký kết không vô hiệu thì nguyên đơn mới chỉ được nhận 30% trị giá hợp đồng vì đến thời điểm chấm dứt hợp đồng, hai dự án trên đều chưa có giấy phép xây dựng. Bị đơn xác nhận đã thanh toán 30% trị giá hợp đồng của dự án T và Ấp B nhưng không yêu cầu nguyên đơn trả lại và không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đối với hợp đồng tư vấn thiết kế dự án Đà Nẵng chưa thực hiện giao kết hợp đồng nên chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Bà Nguyễn Thị Lâm O là người đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, không bổ sung thêm.

Bản án số 143/2023/KDTM-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn thiếu là 1.004.133.000 (Một tỷ không trăm lẻ bốn triệu một trăm ba mươi ba ngàn) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/01/2018 đến ngày 01/8/2023 là 630.093.458 (Sáu trăm ba mươi triệu không trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi tám) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của bị đơn: Tuyên bố Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170511/ESU-ETP-HKC ngày 11/5/2017 và Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170704/ESU-ES2-HKS ngày 04/7/2017 giữa Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH Ê vô hiệu, không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do các bên không có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 25/8/2023, ông Phạm Đăng K đại diện theo pháp Công ty TNHH T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 143/2023/KDTM-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết vụ án với nhau như sau:

1. Chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến các hợp đồng mà nguyên đơn Công ty TNHH T1 và bị đơn Công ty TNHH Ê đã ký kết gồm:

- Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170511/ESU-ETP-HKC ký ngày 11/5/2017 (Dự án T);

- Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170704/ESU-ES2-HKS ngày 04/7/2017 (Dự án Ấp B),

Và Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng chưa ký kết số 20170621/ESU-ES2-HKC (Dự án Đà Nẵng).

2. Bị đơn Công ty TNHH Ê có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH T1 số tiền là 422.000.000 (Bốn trăm hai mươi hai triệu) đồng.

3. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Mỗi bên chịu 50%; án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nguyên đơn (người kháng cáo) chịu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều, 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn Công ty TNHH T1 và bị đơn Công ty TNHH Ê về việc giải quyết vụ án như trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Phạm Đăng K đại diện theo pháp luật Công ty TNHH T1 làm trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Công ty TNHH T1 và bị đơn Công ty TNHH Ê thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

[3] Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay. Đây là tình tiết mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu 50% tính trên số tiền mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 422.000.000 đồng.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do các bên thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên người kháng cáo Công ty TNHH T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn Công ty TNHH T1 và bị đơn Công ty TNHH Ê, sửa bản án sơ thẩm:

1. Chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ liên quan đến các hợp đồng mà nguyên đơn Công ty TNHH T1 và bị đơn Công ty TNHH Ê đã ký kết gồm:

- Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170511/ESU-ETP-HKC ký ngày 11/5/2017 (Dự án T);

- Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng số 20170704/ESU-ES2-HKS ngày 04/7/2017 (Dự án Ấp B);

Và Hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng (hai bên chưa ký kết) số 20170621/ESU-ES2-HKC (Dự án Đà Nẵng),

2. Bị đơn Công ty TNHH Ê có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH T1 số tiền là 422.000.000 (Bốn trăm hai mươi hai triệu) đồng.

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn Công ty TNHH T1 chịu 10.440.000 (mười triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH T1 đã nộp là 21.811.995 (Hai một triệu tám trăm mười một ngàn chín trăm chín mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008527 ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH T1 được nhận lại số tiền là 11.371.995 (mười một triệu ba trăm bảy mươi một ngàn chín trăm chín mươi lăm) đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH Ê chịu 10.440.000 (mười triệu bốn trăm bốn mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH Ê đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037012 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn Công ty TNHH Ê còn phải nộp thêm số tiền là 10.140.000 (Mười triệu một trăm bốn mươi ngàn) đồng.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Nguyên đơn Công ty TNHH T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty TNHH T1 đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2023/0023561 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn Công ty TNHH T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Việc thi hành được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Đạt

2023KTPT33768



1 000119 3542 15

Công ty TNHH Tư vấn Kỹ Thuật

15.11.2023 16:00 PM